

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày: 13/6/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/6/2019, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Võ Trọng T, sinh năm 1967.

2. Bà Tô Thị N, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Bị đơn: Ông Tô Tế C, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N trình bày:

Khoảng năm 2015, vợ chồng ông T, bà N có cho ông C, bà H vay số tiền 25.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền

gốc. Vợ chồng ông C, bà H trả được 01 năm tiền lãi là 7.500.000đ. Năm 2016, ông C, bà H không trả tiền lãi cho ông T, bà N. Đến ngày 07/3/2017 (âm lịch), thấy ông C và bà H cả năm không trả tiền lãi nên hai bên đã thỏa thuận nhập số tiền lãi vào tiền gốc, tổng cộng là 32.500.000đ và làm giấy vay nợ mới. Tại giấy vay nợ mới, ông C hẹn đến ngày 07/3/2018 (âm lịch) sẽ trả cả gốc và lãi. Mức lãi suất không thỏa thuận trong giấy vay nợ nhưng các bên thống nhất với là mức lãi suất là 2,5%/tháng. Đến nay, ông C, bà H chưa thanh toán số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Vì vậy, ngày 22/11/2018, ông T, bà N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà H có nghĩa vụ trả cho ông T, bà N số tiền gốc là 32.500.000đ, tiền lãi tính từ ngày 07/3/2017 (âm lịch) đến ngày 22/11/2018 là 6.175.000đ. Tổng cộng buộc ông C, bà H phải trả số tiền là 38.675.000đ.

Tại phiên tòa, ông T, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C, bà H có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 25.000.000đ và tiền lãi là 7.500.000đ, tổng cộng là 32.500.000đ.

Theo lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2019, bị đơn ông Tô Tê C trình bày:

Năm 2015, ông C có vay của vợ chồng ông T, bà N số tiền 25.000.000đ để làm kinh tế trong gia đình, lãi suất là 2,5%/tháng. Ông C, bà H đã trả được 02 năm tiền lãi thì không trả được nữa. Sau đó, ông T và bà N cộng số tiền lãi còn nợ vào tiền gốc và làm giấy vay nợ mới với số tiền 32.500.000đ. Nay, ông T và bà N yêu cầu trả số tiền là 32.500.000đ thì ông C đồng ý nhưng không đồng ý trả tiền lãi của số tiền 32.500.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đinh Thị H trình bày:

Năm 2015, vợ chồng ông C, bà H có vay của ông T, bà N số tiền 25.000.000đ, lãi suất là 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền gốc. Ông C, bà H đã trả được 02 năm tiền lãi thì không trả được nữa. Sau đó, ông T, bà N cộng số tiền lãi còn nợ vào tiền gốc và làm giấy vay nợ mới với số tiền 32.500.000đ. Nay, ông T, bà N yêu cầu trả tiền gốc thì bà H đồng ý trả số tiền 32.500.000đ nhưng không đồng ý trả số tiền lãi của số tiền 32.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: về cơ bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ cung cấp lời khai và chưa thực hiện hết các nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà H có nghĩa vụ trả cho ông T, bà N số tiền là 32.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N khởi kiện buộc ông Tô Tế C cư trú tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi vay. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Tô Tế C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông C, bà H theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Giấy vay tiền), thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay. Có chữ ký xác nhận của ông Tô Tế C. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận thỏa thuận này là có thật. Đây là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật, hợp đồng vay tài sản giữa các bên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của các bên thì năm 2015, ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N có cho ông Tô Tế C và bà Đinh Thị H vay số tiền 25.000.000đ với mức lãi suất là 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi trả theo năm. Năm 2017, do ông C và bà H không trả được tiền lãi nên ông T và bà N đã yêu cầu ông C viết lại giấy vay nợ vào ngày 07/3/2017 (âm lịch) và cộng cả tiền gốc với lãi vay là 32.500.000đ, thời gian trả nợ là ngày 07/3/2018 (âm lịch), mức lãi suất là 2,5%/tháng. Các bên đều thừa nhận nội dung này là có thật.

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2018 thì ông T và bà N yêu cầu ông C, bà H phải trả số tiền gốc là 32.500.000đ. Tại phiên tòa, ông T, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C, bà H trả số tiền nợ gốc là 25.000.000đ.

Xét thấy, các bên đều thừa nhận có sự việc ông C và bà H vay của ông T, bà N số tiền 25.000.000đ và thỏa thuận đến ngày 07/3/2018 (âm lịch) sẽ trả. Nhưng đến nay ông C, bà H vẫn chưa thanh toán cho ông T, bà N số tiền này. Tại biên bản

ghi lời khai ngày 08/01/2019, ông C, bà H đều thừa nhận số tiền gốc còn nợ và đồng ý trả số tiền trên. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông C, bà H trả số tiền gốc là 25.000.000đ là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lãi:

Tại phiên tòa, ông T, bà N yêu cầu ông C, bà H trả số tiền lãi của số tiền 25.000.000đ tính từ ngày làm lại giấy vay nợ 07/3/2017 âm lịch đến ngày xét xử với mức lãi suất là 1,5%/ tháng là 7.500.000đ.

Về thời gian tính lãi: các bên đều thừa nhận thời gian vay là từ năm 2015. Ông C và bà H cho rằng đã trả tiền lãi cho ông T, bà N được 02 năm nhưng ông C, bà Hg không có chứng cứ chứng minh, nên không được chấp nhận. Ông T, bà N cho rằng ông C, bà H mới trả được 01 năm tiền lãi nên đến ngày 07/3/2017 âm lịch, do thấy ông C, bà H cả năm không trả tiền lãi nên các bên thống nhất gộp lãi vào gốc để làm giấy vay nợ mới. Lời trình bày này của ông T, bà N phù hợp với nội dung giấy vay nợ với số tiền 32.500.000đ (cộng tiền gốc là 25.000.000đ với tiền lãi 01 năm là 7.500.000đ). Có căn cứ xác định ông Ch, bà H chưa trả tiền lãi cho ông T, bà N từ năm 2016. Tại phiên tòa, ông T và bà N chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ khi làm giấy vay nợ mới là ngày 07/3/2017 (âm lịch) tương đương từ ngày 03/4/2017 dương lịch, cần được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi ông C, bà H đã trả cho ông T, bà N: Tuy các bên không thống nhất số tiền lãi ông C, bà Hg đã trả nhưng các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về mức lãi suất: Khi thỏa thuận, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 2,5%/tháng. Tại phiên tòa, ông Tiến và bà Nghệ yêu cầu mức lãi suất là 1,5%/tháng. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là không vượt quá mức lãi suất thỏa thuận ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, cần được chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi tính từ ngày 03/4/2017 đến ngày xét xử (13/6/2019) được tính như sau: $25.000.000 \times 1,5\% \times 26 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 9.870.000\text{đ}$.

Ông T, bà N chỉ yêu cầu ông C, bà H trả số tiền lãi là 7.500.000đ, được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N được chấp nhận nên ông C, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147; 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N. Buộc ông Tô Tế C và bà Đinh Thị H trả cho ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N số tiền gốc 25.000.000đ, tiền lãi là 7.500.000đ, tổng cộng là 32.500.000đ (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Tế C và bà Đinh Thị H phải nộp 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả lại cho ông Võ Trọng T và bà Tô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005019 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải

